|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý**

**Dự thảo Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn**

**được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BGDĐT ngày tháng 3 năm 2020)*

Thực hiện Quyết định số 936/2019/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 7 (trong đó có Luật Giáo dục năm 2019), Bộ Giáo dục và Đào tạo được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng *Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*. Từ ngày 09/01/2020 đến ngày 09/3/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đăng tải dự thảo 2 Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến rộng rãi, đồng thời gửi văn bản xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Sư phạm[[1]](#footnote-1). Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân như sau:

**1. Tổng hợp ý kiến góp ý**

Tính đến ngày 09/3/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được **69** ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Trong đó, có **20** ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; **12** ý kiến góp ý của UBND tỉnh/thành phố; **29** ý kiến góp ý của sở Giáo dục và Đào tạo; **04** ý kiến góp ý của trường cao đẳng/đại học sư phạm; **03** ý kiến góp ý của cơ sở giáo dục; **01** ý kiến góp ý của cá nhân). Các ý kiến góp ý được phân loại thành các nhóm sau:

* **34/69** (chiếm **49%**) ý kiến góp ý hoàn toàn nhất trí với dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ; không có ý kiến nào không nhất trí.

***Bảng 1: Danh sách các đơn vị/cá nhân hoàn toàn nhất trí với***

***dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ***

| **TT** | **Tên đơn vị/cá nhân góp ý** | **TT** | **Tên đơn vị/cá nhân góp ý** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Các Bộ/ngành** |  |  |
| 1 | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam | 18 | Sở GD&ĐT Hà Nam |
| 2 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 19 | Sở GD&ĐT Hải Phòng |
| 3 | Bộ Quốc phòng | 20 | Sở GD&ĐT Hậu Giang |
| 4 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 21 | Sở GD&ĐT Lai Châu |
| 5 | Bộ Thông tin và Truyền thông | 22 | Sở GD&ĐT Nghệ An |
| 6 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 23 | Sở GD&ĐT Ninh Thuận |
| 7 | Bộ Xây dựng | 24 | Sở GD&ĐT Phú Yên |
| 8 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 25 | Sở GD&ĐT Quảng Ngãi |
| 9 | Thông tấn xã Việt Nam | 26 | Sở GD&ĐT Thái Bình |
| 10 | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam | 27 | Sở GD&ĐT Tiền Giang |
| **II** | **Địa phương** | 28 | Sở GD&ĐT Tuyên Quang |
| 11 | UBND tỉnh Hải Phòng | 29 | Sở GD&ĐT Trà Vinh |
| 12 | UBND tỉnh Lai Châu | **IV** | **Trường ĐH/CĐ sư phạm** |
| 13 | UBND tỉnh Lạng Sơn | 30 | Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang |
| 14 | UBND tỉnh Ninh Thuận | 31 | Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh |
| 15 | UBND tỉnh Trà Vinh | **V** | **Cơ sở giáo dục** |
| **III** | **Sở Giáo dục và Đào tạo** | 32 | Trường Tiểu học Hưng Long (huyện Bình Chánh – TP HCM) |
| 16 | Sở GD&ĐT Bắc Kạn | 33 | Trường Tiểu học Bình Mỹ (huyện Cần Giờ - TP HCM) |
| 17 | Sở GD&ĐT Bình Định | 34 | Trường Tiểu học Bình Chiểu (Quận Thủ Đức – TP HCM) |

* **35/69** (chiếm **51%**) đơn vị/cá nhân góp ý điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong các Điều của Nghị định, trong đó có một vài ý kiến góp ý cho dự thảo Tờ trình Chính phủ. Các ý kiến góp ý tập trung vào các vấn đề sau:

 + Các diễn đạt về quy định độ tuổi giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn; bổ sung nguyên tắc cử giáo viên có độ tuổi cao, năm công tác còn ít đi đào tạo trước.

 + Xem xét, tính toán hợp lý chỉ tiêu tỷ lệ % giáo viên hoàn thành nâng trình độ chuẩn ở mỗi giai đoạn trong lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn của giáo viên, đặc biệt giai đoạn 1 do nhiều địa phương còn thiếu giáo viên, hiện giáo viên phải đang phải tập huấn phục vụ đổi mới CT-SGK, năm học kéo dài do dịch bệnh.

 + Quy định cụ thể hơn về quy trình, nội dung kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

 + Nhất trí về việc miễn học phí nhưng đề nghị diễn đạt lại; cần có đánh giá tác động đối với quy định “giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được miễn học phí”.

 + Cân nhắc không quy định về thời gian, chương trình, hình thức tuyển sinh, đào tạo (Chương III), vì các nội dung này thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ sở đào tạo giáo viên (đã được quy định cụ thể trong Luật Giáo dục Đại học và các quy định về đào tạo liên thông,…).

***Bảng 2: Danh sách các đơn vị/cá nhân góp ý điều chỉnh, bổ sung***

| **TT** | **Tên đơn vị/cá nhân góp ý** | **TT** | **Tên đơn vị/cá nhân góp ý** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Các Bộ/ngành** | **III** | **Sở Giáo dục và Đào tạo** |
| 1 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 19 | Sở GD&ĐT Bến Tre |
| 2 | Bộ Khoa học và Công nghệ | 20 | Sở GD&ĐT Bình Dương |
| 3 | Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội | 21 | Sở GD&ĐT Bình Phước |
| 4 | Bộ Nội vụ | 22 | Sở GD&ĐT Đắk Nông |
| 5 | Bộ Ngoại giao | 23 | Sở GD&ĐT Đồng Tháp |
| 6 | Bộ Tài Chính | 24 | Sở GD&ĐT Điện Biên |
| 7 | Bộ Tư pháp | 25 | Sở GD&ĐT Hà Nội |
| 8 | Thanh tra Chính phủ | 26 | Sở GD&ĐT Hà Tĩnh |
| 9 | Ủy ban Dân tộc | 27 | Sở GD&ĐT Lào Cai |
| 10 | Văn phòng Chính phủ | 28 | Sở GD&ĐT Lâm Đồng |
| **II** | **Địa phương** | 29 | Sở GD&ĐT Ninh Bình |
| 11 | UBND tỉnh Bến Tre | 30 | Sở GD&ĐT Quảng Ninh |
| 12 | UBND tỉnh Bình Dương | 31 | Sở GD&ĐT Sơn La |
| 13 | UBND tỉnh Bình Phước | 32 | Sở GD&ĐT Vĩnh Phúc |
| 14 | UBND tỉnh Đắk Lắk | **IV** | **Trường ĐH/CĐ sư phạm** |
| 15 | UBND tỉnh Điện Biên | 33 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 16 | UBND TP Hồ Chí Minh | 34 | Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai |
| 17 | UBND tỉnh Lai Châu | **V** | **Cá nhân** |
| 18 | UBND tỉnh Quảng Ninh | 35 | Cao Thiện Tâm (góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ) |

 **2. Tiếp thu ý kiến góp ý và giải trình**

 Trên cơ sở của **35/69** ý kiến góp ý, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu hoàn toàn **11/35 (31,4%)** ý kiến góp ý; tiếp thu một phần **19/35 (54,3%)** ý kiến góp ý; bảo lưu quan điểm có giải trình **05/35 (14,3%)** ý kiến góp ý.

Chi tiết về nội dung ý kiến góp ý và việc tiếp thu, giải trình của Bộ GD&ĐT như sau:

| **STT** | **Ý kiến tham gia** | **Cơ quan, đơn vị góp ý**  | **Nội dung tiếp thu, giải trình** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ** |  |  |
| 1 | Lý giải cụ thể lý do phân chia tỷ lệ giáo viên hoàn thành nâng trình độ chuẩn ở 2 giai đoạn là 60% – 40% trong dự thảo Tờ trình Chính phủ | Văn phòng Chính phủ | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và làm rõ trong Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động. |
| 2 | Dự thảo Tờ trình, phần 1 căn cứ pháp lý: Sửa “Luật Giáo dục ngày 19/6/2019” thành “Luật Giáo dục ngày 14/6/2019”. | Sở GD&ĐT Vĩnh Phúc | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và sửa thành “Luật Giáo dục ngày 14/6/2019” trong tất cả các văn bản liên quan (Tờ trình Chính phủ, Nghị định, Báo cáo đánh giá tác động). |
| **II** | **GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO 2 NGHỊ ĐỊNH** |  |  |
| 1 | **Về căn cứ ban hành Nghị định** |  |  |
|  | Cân nhắc việc đưa Luật Giáo dục nghề nghiệp vào căn cứ ban hành Nghị định. | Văn phòng Chính phủ | Tiếp thu, đã bỏ Luật Giáo dục Nghề nghiệp khỏi căn cứ. |
| 2 | **Về tên Nghị định** |  |  |
|  | Xác định lại tên Nghị định: “Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của **cán bộ quản lý cơ sở giáo dục** và giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở”, do có đối tượng áp dụng là cán bộ quản lý. | Ủy ban Dân tộc | Bộ GD&ĐT bảo lưu tên Nghị định, do tên Nghị định đã được Chính phủ quy định trong Quyết định số 936/2019/QĐ-TTg của Chính phủ và theo quy định tại Khoản 2 Điều 72 Luật Giáo dục 2019. Đồng thời, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục cũng là giáo viên, vẫn phải tham gia giảng dạy, giáo dục học sinh, phải đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định. |
| 3 | **Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng** |  |  |
|  | Nhiều ý kiến đề nghị bổ sung quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định đối với giáo viên ngoài công lập và không cần liệt kê các trường chuyên biệt do TT số 19/2017/TT-BGDĐT đã quy định cụ thể. | Bộ Ngoại giaoỦy ban Dân tộcSở GD&ĐT Hà NộiTrường ĐHSP Hà NộiCao Thiện Tâm – Thanh Hóa | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và điều chỉnh trong quy định tại Điều 1 (trường chuyên biệt) và bổ sung Khoản 2 Điều 16 (điều khoản áp dụng đối với giáo viên ngoài công lập). |
|  | Đề nghị bỏ cụm từ “và cơ sở giáo dục thường xuyên” trong quy định tại Khoản 2 Điều 1 vì đối tượng ở đây là giáo viên mầm non, TH, THCS và hiện ngoài TTGDTX còn có TTGDNN-GDTX trong đó có giáo viên hướng nghiệp. | Sở GD&ĐT Hà Nội | Bộ GD&ĐT bảo lưu dự thảo, do TT GDTX cũng được giao nhiệm vụ thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục THCS. Và đối tượng áp dụng của Nghị định là các giáo viên làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục chương trình giáo dục THCS, không bao gồm giáo viên hướng nghiệp. Bộ GD&ĐT đã diễn đạt lại quy định tại Khoản 2 Điều 1 để rõ ràng, dễ hiểu hơn. |
| 4 | **Về đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn** |  |  |
|  | Nhiều ý kiến góp ý tập trung vào nội dung quy định về đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn (Điều 2). Theo đó, hầu hết đề nghị giảm độ tuổi phải thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo, tức là nâng số năm công tác còn lại tính đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định từ 5 năm lên 8 – 9 năm. Lý do là để giảm gánh nặng chi phí cho ngân sách nhà nước, đồng thời đảm bảo thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 143/2013/NĐ-CP quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, cụ thể *“Người học theo học trình độ cao đẳng, trình độ đại học sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gấp 2 (hai) lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo.”.* Có ý kiến cho rằng, nếu giữ nguyên là 5 năm, giáo viên tham gia đào tạo mất 4 năm thì chỉ còn lại 1 năm công tác, cống hiến cho Ngành, điều đó gây lãng phí lớn. Bên cạnh đó, nên quy định độ tuổi theo từng đối tượng giáo viên (MN, TH, THCS) để đảm bảo phù hợp với yêu cầu nâng trình độ chuẩn ở từng cấp học. Và thay cụm từ “5 năm” thành “5 năm **trở lên**”. | Bộ Kế hoạch và Đầu tưBộ Khoa học và Công nghệBộ Tư phápỦy ban Dân tộcSở GD&ĐT Bình PhướcSở GD&ĐT Đồng ThápSở GD&ĐT Điện BiênSở GD&ĐT Hà TĩnhSở GD&ĐT Lâm ĐồngSở GD&ĐT Quảng NinhTrường ĐHSP Hà Nội | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và điều chỉnh độ tuổi thực hiện nâng trình độ chuẩn, nâng số năm công tác còn lại tính đến tuổi được nghỉ hưu và quy định độ tuổi tương ứng với giáo viên từng cấp học, tuy nhiên căn cứ vào thời gian đào tạo nâng chuẩn đối với giáo viên từng cấp học, chỉ có thể quy định còn đủ 8 năm công tác trở lên đối với giáo viên tiểu học có trình độ trung cấp, các trường hợp còn lại quy định còn 7 năm công tác trở lên. Đối với nội dung này, đã có thuyết minh cụ thể trong báo cáo đánh giá tác động. |
|  | Mặt khác, có ý kiến đề nghị: (i) đưa nội dung “có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm” vào dấu () (Khoản 2 Điều 2); (ii) nêu rõ độ tuổi nghỉ hưu đối với nam là 60 nữ là 55 trong quy định độ tuổi thực hiện nâng trình độ chuẩn (Khoản 3 Điều 2); (iii) thay cụm từ “phải thực hiện nâng trình độ chuẩn” thành “**theo quy định**” (Khoản 3 Điều 2); (iv) thời điểm tính độ tuổi nghỉ hưu kéo dài từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2030; (v) bổ sung từ “kỹ sư” sau từ “cử nhân” | Bộ Lao động – Thương binh và Xã hộiSở GD&ĐT Điện BiênSở GD&ĐT Quảng NinhPhân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai | Đối với các ý kiến góp ý này, Bộ GD&ĐT bảo lưu, lý do: (i) việc quy định “có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm” căn cứ theo đúng Điều 72 Luật Giáo dục 2019; (ii) độ tuổi nghỉ hưu đã được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật Lao động 2019 do đó không thể quy định rõ độ tuổi nghỉ hưu như góp ý; (iii) không rõ đối tượng được quy định nếu không có cụm từ “phải thực hiện nâng trình độ chuẩn”, tuy nhiên Điều 2 đã được viết lại, độ tuổi thực hiện nâng chuẩn trình độ được quy định cụ thể đối với giáo viên từng cấp học; (iv) ngày 01/7/2020 là mốc thời gian duy nhất để tính độ tuổi giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn, đồng thời trong Điều 3 về nguyên tắc có quy định về việc ưu tiên giáo viên còn đủ 7 năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu được đào tạo trước; (v) giáo viên thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải đáp ứng yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo theo Điều 72 Luật Giáo dục 2019, theo đó không có quy định về việc tốt nghiệp bằng kỹ sư. |
| 5 | **Về mục đích thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên** |  |  |
|  | Có 2 góp ý đề nghị cân nhắc sự cần thiết của việc quy định mục đích thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên (Điều 3). | Bộ Tư phápVăn phòng Chính phủ | Sau khi xem xét, Bộ GD&ĐT đã tiếp thu ý kiến góp ý và bỏ quy định về mục đích thực hiện. |
| 6 | **Về nguyên tắc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên** |  |  |
|  | Nhiều góp ý đề nghị bổ sung nguyên tắc ưu tiên giáo viên nhiều tuổi hơn và còn ít năm công tác thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn được đi đào tạo trước. Vì có khả năng, có một số giáo viên tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 05 năm công tác (tính đến tuổi nghỉ hưu) thuộc đối tượng phải nâng chuẩn trình độ nhưng không được bố trí nâng chuẩn sớm, đến tuổi gần nghỉ hưu mới được bố trí đào tạo nâng chuẩn làm lãng phí nguồn lực của nhà nước. Và làm rõ nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 4 “Việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên phải căn cứ vào độ tuổi” để tránh hiểu nhầm là quy định trùng với độ tuổi thực hiện nâng trình độ chuẩn tại Khoản 2 Điều 2. Đồng thời bổ sung thêm nguyên tắc “công khai” tại Khoản 3 Điều 4. | Bộ Tư phápVăn phòng Chính phủSở GD&ĐT Lào CaiSở GD&ĐT Quảng Ninh | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và điều chỉnh lại cách diễn đạt tại Khoản 2 Điều 3: “Việc xác định đối tượng giáo viên thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn phải bảo đảm đúng độ tuổi, đúng trình độ đào tạo của giáo viên. Ưu tiên bố trí những giáo viên còn đủ năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Nghị định này tham gia đào tạo trước”. Đồng thời bổ sung thêm nguyên tắc “công khai” trong quy định tại Khoản 3 Điều 3, cụ thể “Việc thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ giáo viên phải bảo đảm khách quan, **công khai**, công bằng, hiệu quả”. |
|  | Một số ý kiến khác: (i) Thay “điều kiện thực hiện” thành “**tình hình thực tiễn**” (Khoản 1 Điều 4); (ii) Sửa “Bảo đảm khách quan…” thành “Bảo đảm **chất lượng**, khách quan…” (Khoản 3 Điều 4). | Sở GD&ĐT Lào CaiPhân hiệu ĐH Thái Nguyên tại Lào Cai | Bộ GD&ĐT bảo lưu, lý do: (i) từ “điều kiện” bao hàm nhiều yếu tố định lượng được; (ii) đã có quy định đảm bảo tính “hiệu quả” tại Khoản 3 Điều 3. |
| 7 | **Về lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên** |  |  |
|  | Đa số các ý kiến góp ý đối với lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn của giáo viên (Điều 5) đều tập trung ở việc điều chỉnh tỷ lệ % giáo viên hoàn thành chương trình đào tạo nâng trình độ chuẩn ở giai đoạn 1 theo hướng giảm từ 60% xuống mức 50 – 40% và đề nghị có đánh giá tác động, thuyết minh cụ thể việc đưa ra con số này. Đồng thời, đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn từ 01/7/2021 – 31/12/2031. Lý do là: kế hoạch thời gian năm học 2019-2020 được điều chỉnh do dịch bệnh, nên thời điểm ngày 01/7/2020 các trường rất khó có thể bố trí, sắp xếp cho giáo viên tham gia đào tạo nâng chuẩn, một số địa phương chưa bố trí đủ giáo viên; giáo viên phải tập huấn phục vụ đổi mới CT, sgk. | Văn phòng Chính phủSở GD&ĐT Đồng ThápSở GD&ĐT Điện BiênSở GD&ĐT Ninh BìnhSở GD&ĐT Sơn LaTrường ĐHSP Hà Nội | Sau khi tính toán cụ thể về chương trình đào tạo, chuyên ngành đào tạo, số lượng giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo, định mức giáo viên để đảm bảo không thiếu giáo viên giảng dạy, tác động của việc thay đổi chương trình, sách giáo khoa đối với hoạt động dạy học, giáo dục của các cấp học có liên quan… Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và điều chỉnh theo hướng:* Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn theo giáo viên từng cấp học để đảm bảo phù hợp với từng đối tượng giáo viên (tách thành 3 Điều riêng cho giáo viên từng cấp: Điều 4, Điều 5 và Điều 6);
* Đối với giáo viên mầm non và tiểu học, tỷ lệ giáo viên hoàn thành chương trình đào tạo nâng chuẩn điều chỉnh giảm xuống 50%; Riêng tỷ lệ đối với giáo viên THCS vẫn giữ nguyên.
* Đã lý giải cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động và Tờ trình Chính phủ.
 |
|  | Một số góp ý khác liên quan đến nội dung này: (i) Điểm b Khoản 2 Điều 5 sửa thành “…bảo đảm 100% số giáo viên của các cơ sở giáo dục đạt trình độ chuẩn theo quy định **(không tính giáo viên không còn đủ 5 năm công tác tính đến tuổi được nghỉ hưu)**”; (ii) Điểm a Khoản 2 Điều 5 sửa thành “Từ 01/7/2020 đến hết ngày 31/12/2025, đảm bảo đạt ít nhất 60% số giáo viên **dưới chuẩn** phải hoàn thành chương trình đào tạo nâng chuẩn và được cấp bằng tốt nghiệp”; (iii) Lộ trình 10 năm khá dài, nên giảm lộ trình, giao các trường xây chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo nâng chuẩn tiếp cận chương trình, sgk mới để giảm thời gian và chi phí bồi dưỡng, với số lượng 15 trường ĐHSP, 30 trường CĐSP, đủ mạnh để đẩy nhanh tiến độ. | Sở GD&ĐT Bình PhướcSở GD&ĐT Điện BiênTrường ĐHSP Hà Nội | Bộ GD&ĐT bảo lưu một số ý kiến khác, do: (i) (ii) số giáo viên còn lại được quy định ở Điều 5 của Dự thảo cũ và Điều 4, Điều 5, Điều 6 mới là những giáo viên thuộc đối tượng phải tham gia nâng trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 2, vì vậy không cần phải nhắc lại; (iii) số lượng giáo viên cần nâng trình độ chuẩn khá nhiều, nếu giảm lộ trình xuống dưới 10 năm thì không đảm bảo hoàn thành việc nâng trình độ chuẩn cho 100% giáo viên, việc đưa ra số năm lộ trình thực hiện đã được thuyết minh cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động, tuy nhiên các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ sẽ quy định chương trình, chuẩn đầu ra,… để đảm bảo phù hợp với từng giáo viên (Điều 17). |
| 8 | **Về kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên** |  |  |
|  | Đối với việc xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về nội dung kế hoạch, quy trình xây dựng, tổng hợp kế hoạch 5 năm và hàng năm; xác định rõ các bước thực hiện, thời hạn thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan liên quan … nhằm đảm bảo thống nhất, khả thi trong việc phối hợp triển khai, do việc xây dựng kế hoạch liên quan đến nhiều đối tượng (cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, địa phương, Bộ GD). | Bộ Kế hoạch và Đầu tưBộ Tư pháp | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và bổ sung quy định tại Điều 8, quy định chi tiết hơn về các loại kế hoạch cần xây dựng, các đơn vị thực hiện, quy trình xây dựng kế hoạch, nội dung kế hoạch, thời gian hoàn thành kế hoạch. Đồng thời, làm rõ quy trình thực hiện từ việc lập kế hoạch, triển khai, chế độ báo cáo tại Chương II. |
| 9 | **Về kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên** |  |  |
|  | Đối với quy định về kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên, có rất nhiều ý kiến góp ý hoàn thiện. Tuy nhiên, tập trung vào việc:* Bỏ “đóng góp của giáo viên” trong quy định về nguồn kinh phí thực hiện với lý do: Để thống nhất với quy định “*giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được miễn học phí”;* Và thực tế đời sống của giáo viên còn nhiều khó khăn, việc giáo viên phải đóng góp kinh phí không khuyến khích được giáo viên tích cực tham gia học tập và ảnh hưởng đến đời sống của giáo viên và gia đình. Ngoài ra, khi tham gia đào tạo, giáo viên thường phải đóng góp thêm các khoản ngoài quy định.
* Bổ sung đánh giá tác động của chính sách này đến ngân sách Nhà nước đối với quy định “*giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được miễn học phí*“.
* Bổ sung quy định đối với giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn nhưng không thuộc đối tượng tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn theo Nghị định này, nếu giáo viên này có nhu cầu đào tạo nâng chuẩn thì tự túc kinh phí.
* Quy định cụ thể hơn đối với giáo viên mầm non. Do giáo viên mầm non có thể học lên cao đẳng hoặc đại học, tránh tình trạng giáo viên đăng ký 100% lên đại học hoặc 100% lên cao đẳng.
* Khoản 1 Điều 7: Bổ sung “…do nhà nước cấp bổ sung hàng năm theo phân cấp…”.
 | Bộ Tư phápThanh tra Chính phủỦy ban Dân tộcVăn phòng Chính phủUBND TP Hồ Chí MinhSở GD&ĐT Bến TreSở GD&ĐT Đồng ThápSở GD&ĐT Hà NộiPhân hiệu ĐH Thái Nguyên tại Lào Cai | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu các góp ý, cụ thể:* Đã bỏ cụm từ “đóng góp của giáo viên” tại Khoản 1 Điều 9
* Đã bổ sung thuyết minh trong báo cáo đánh giá tác động. Đồng thời, nội dung này đã được Vụ Kế hoạch – Tài chính của Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính cho ý kiến.
* Mặc dù không quy định đối với giáo viên không thuộc đối tượng phải đào tạo để đạt trình độ chuẩn và những giáo viên thuộc đối tượng phải đào tạo để đạt trình độ chuẩn nhưng lại tham gia đào tạo để đạt trình độ cao hơn quy định về trình độ chuẩn được đào tạo thì phải tự túc kinh phí đào tạo. Tuy nhiên, đã quy định cụ thể, rõ ràng đối tượng được miễn học phí, được cử đi học, giáo viên nằm ngoài các đối tượng này sẽ không được miễn học phí và cấp chi phí đào tạo theo quy định tại Nghị định này.
 |
|  | Đề nghị thực hiện thống nhất theo cơ chế tài chính do Bộ GD&ĐT đề xuất trong dự thảo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm. Theo đó:* Kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
* Phương thức thực hiện: UBND cấp tỉnh đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện việc đặt hàng, giao nhiệm vụ với cơ sở giáo dục đào tạo có chức năng đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên; UBND cấp tỉnh thanh toán kinh phí đào tạo nâng chuẩn giáo viên cho các cơ sở giáo dục đào tạo được đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
* Bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 7.
 | Văn phòng Chính phủBộ Tài chính | Về việc xem xét, lựa chọn phương thức đặt hàng, Bộ GD&ĐT đã nghiên cứu Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm và điều chỉnh như sau:* Sửa Khoản 1 Điều 9 theo góp ý.
* Quy định phương thức đặt hàng theo góp ý tại Điều 7 - Phương thức phối hợp trong đào tạo giáo viên thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn.
* Bỏ quy định cũ tại Khoản 3 Điều 9.
 |
| 10 | **Về quyền lợi và trách nhiệm của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn** |  |  |
|  | Về quyền lợi và trách nhiệm của giáo viên, có góp ý về việc ghi rõ những trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo (VD: không hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định mà không có lý do khách quan, hay do vi phạm nghiêm trọng nội quy, quy chế đào tạo,…) để các cơ quan có thẩm quyền dễ thực hiện (Điểm b Khoản 3 Điều 8). Điểm a Khoản 3 Điều 8 sửa thành “… chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo”. | Thanh tra Chính phủỦy ban Dân tộcVăn phòng Chính phủSở GD&ĐT Quảng Bình | Đối với việc quy định cụ thể các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo, căn cứ vào các quy định tại Nghị định 143/2013/NĐ-CP quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, Bộ GD&ĐT đã tiếp thu ý kiến góp ý và quy định rõ các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo, đồng thời tách thành Điều riêng (Điều 11). Điểm a Khoản 2 Điều 10 cũng đã bổ sung nội dung quy định “… chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo”. |
|  | Ngoài ra, có một số góp ý liên quan đến cách diễn đạt: (i) Điểm a Khoản 1 Điều 8, bỏ cụm từ “và được hỗ trợ” để thống nhất với Khoản 1 Điều 7; (ii) Điểm c Khoản 3 Điều 8, sửa thành “Trong suốt thời gian khóa học, ngoài thời gian tham gia các hoạt động đào tạo, giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định”; (iii) Khoản 1 Điều 8, đề nghị bổ sung “được bình đẳng trong công tác thi đua, khen thưởng theo quy định như tất cả các giáo viên khác tại đơn vị công tác”.  | Thanh tra Chính phủSở GD&ĐT Hà NộiSở GD&ĐT Quảng Bình | Bộ GD&ĐT bảo lưu các ý kiến góp ý liên quan đến cách diễn đạt, vì lý do sau: (i) ngoài chế độ, chính sách của Nhà nước, nhiều địa phương/cơ sở giáo dục có thể có các hỗ trợ thêm cho người đi học; (ii) giữ nguyên cách diễn đạt cũ để nhấn mạnh việc giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác “trong suốt thời gian khóa học”, tránh trường hợp giáo viên hiểu nhầm là được nghỉ tất cả các công việc tại trường khi đi đào tạo; (iii) bảo lưu do Luật Thi đua, Khen thưởng đã quy định cụ thể. |
| 11 | **Về thời gian đào tạo, chương trình đào tạo, hình thức, tổ chức và quản lý đào tạo, tuyển sinh và cấp văn bằng, chứng chỉ** |  |  |
|  | Cân nhắc các quy định tại Chương III về thời gian đào tạo, chương trình đào tạo, hình thức, tổ chức và quản lý đào tạo, tuyển sinh và cấp văn bằng, chứng chỉ đối với các cơ sở giáo dục đại học, do những nội dung này được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học. Do đó, không cần quy định lại. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo sự chủ động trong việc nâng chuẩn mà không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ sở giáo dục có thể cân nhắc quy định lồng ghép vào Chương II hoặc các quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ.Bên cạnh đó có những góp ý chi tiết, cụ thể hơn đối với các quy định của Chương III:* Điều 9: Điều chỉnh giảm thời gian đào tạo ở từng trình độ do các giáo viên tham gia đào tạo nâng chuẩn không cần phải tham gia các hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm và hiện không còn trường sư phạm đào tạo theo niên chế mà theo tín chỉ, bản thân người học chưa thể biết sẽ phải trải qua thời gian đào tạo là bao nhiêu năm.
* Điều 10: Quy định này gây khó khăn cho các trường do có ngành mới KHTN, Lịch sử và Địa lý, Tin học và Công nghệ (các trường chưa có hoặc nếu có thì việc tuyển sinh rất khó khăn, không mở lớp được).
* Điều 11: Đưa nội dung về quản lý đào tạo vào quy định trách nhiệm của các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ.
* Điều 12: Chỉ áp dụng hình thức xét tuyển đối với đối tượng giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn. Thay cụm từ “bằng cao đẳng sư phạm” thành “bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm”, “bằng đại học sư phạm” thành “bằng cử nhân”.
 | Bộ Khoa học và Công nghệBộ Lao động – Thương binh và Xã hộiBộ Tư phápThanh tra Chính phủVăn phòng Chính phủBộ Khoa học và Công nghệSở GD&ĐT Sơn LaSở GD&ĐT Vĩnh PhúcSở GD&ĐT Đắk NôngTrường ĐHSP Hà Nội | Sau khi xem lại các quy định hiện hành về đào tạo, Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và bỏ các quy định tại Chương III về thời gian đào tạo, chương trình đào tạo, hình thức, tổ chức và quản lý đào tạo, tuyển sinh và cấp văn bằng, chứng chỉ. Các nội dung này đã đưa vào quy định về trách nhiệm của cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ để phù hợp với từng điều kiện thực tiễn của nhà trường và phù hợp với đối tượng người học (Điều 17). Theo đó, các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ sẽ tự xác định phương thức, hình thức đào tạo, tuyển sinh; xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kèm theo giáo trình, học liệu phù hợp với đối tượng giáo viên vừa làm vừa học… và phải thông báo công khai để các địa phương lựa chọn và đặt hàng. |
| 12 | **Về tổ chức thực hiện** |  |  |
|  | Đối với các quy định về tổ chức thực hiện, đề nghị bổ sung thêm điều khoản quy định trách nhiệm của: cơ sở giáo dục cử giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn, cơ sở tham gia đào tạo giáo viên, UBND cấp huyện (quản lý trực tiếp đối tượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) và các đơn vị/cá nhân có liên quan để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện. Cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch để không xảy ra tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy, phải đảm bảo các quyền lợi của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn và các trách nhiệm khác theo quy định. | Bộ Ngoại giaoBộ Tư phápVăn phòng Chính phủ | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và bổ sung quy định trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân có liên quan tại Chương III. Bên cạnh đó, phân công trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị/cá nhân có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên, chế độ báo cáo tại Chương II (Điều 10 và Điều 12). |
|  | Về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ GD&ĐT, có một số góp ý đề nghị bổ sung thêm trình độ đại học ngành giáo dục mầm non và bỏ việc giao chỉ tiêu tuyển sinh hằng nằm cho các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ, việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh phân cấp cho các trường theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT. Bổ sung thêm phần định hướng chỉ đạo đối với việc đào tạo nâng trình độ chuẩn cho các giáo viên phải thực hiện nhiệm vụ giảng dạy các môn học mới ở cấp tiểu học và THCS (tin học và công nghệ, Lịch sử và Địa lý, KHTN). | Sở GD&ĐT Quảng BìnhTrường ĐHSP Hà NộiSở GD&ĐT Lào Cai | Về việc quy định trình độ đại học ngành giáo dục mầm non, Bộ GD&ĐT không đưa vào Nghị định, do Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ đào tạo chuẩn của giáo viên mầm non là cao đẳng sư phạm, không cần đến đại học. Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh, Bộ GD&ĐT tiếp thu và đã bỏ quy định này, do đã lựa chọn phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ trong đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên. Đối với chương trình đào tạo, các cơ sở đào tạo giáo viên sẽ xây dựng để phù hợp với quy định và với giáo viên từng môn học, từng trình độ. |
|  | Bỏ quy định về trách nhiệm của Bộ Nội vụ trong Nghị định này, do trách nhiệm bố trí giáo viên thay nhau giảng dạy để tham gia các khóa đào tạo nâng trình độ chuẩn thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục và UBND cấp tỉnh, cấp huyện, trên cơ sở căn cứ số biên chế được cấp có thẩm quyền giao và trình độ chuẩn của giáo viên, đồng thời bố trí, sắp xếp giáo viên theo kế hoạch đào tạo nâng chuẩn 5 năm và hằng năm. | Bộ Nội vụ | Đã tiếp thu và bỏ quy định này. Tuy nhiên, bổ sung quy định về trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ trong việc phối hợp với Bộ GD để việc triển khai Nghị định có hiệu quả (Điều 14). |
|  | Bỏ quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính, lý do: kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo để nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính không thực hiện nhiệm vụ cân đối, bố trí kinh phí, công tác kiểm tra. | Bộ Tài chính | Đã tiếp thu và bỏ quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, bổ sung quy định về trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ trong việc phối hợp với Bộ GD để việc triển khai Nghị định có hiệu quả (Điều 14). |
|  | Đối với nhiệm vụ và quyền hạn của UBND cấp tỉnh, có một số góp ý cụ thể như sau:* Bổ sung quy định về việc “bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm.
* Bổ sung thêm khoản “UBND tỉnh cấp kinh phí chi trả tiền dạy thừa giờ đối với giáo viên dạy thay các giáo viên được cử đi học nâng cao trình độ chuẩn”.
* Bổ sung Khoản 5 “Chỉ đạo cơ quan quản lý, sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thanh toán học phí cho các cơ sở đào tạo”.
 | Bộ Tài chínhSở GD&ĐT Đắk NôngSở GD&ĐT Đồng ThápSở GD&ĐT Điện Biên | * Bộ GD&ĐT đã tiếp thu và bổ sung quy định tại Khoản 3 Điều 15.
* Đối với đề xuất bổ sung quy định về việc chi trả lương dạy thêm giờ cho giáo viên dạy thay các giáo viên được cử đi học nâng cao trình độ chuẩn, Bộ GD&ĐT không bổ sung vì việc này đã được quy định tại TTLT số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.
* Đối với việc chỉ đạo cơ quan quản lý, sử dụng giáo viên thanh toán học phí cho các cơ sở đào tạo, sau khi có ý kiến góp ý của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT đã nghiên cứu Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và lựa chọn phương thức đặt hàng giữa Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ sở đào tạo giáo viên theo kế hoạch thực hiện hàng năm (Điều 7), đồng thời đã quy định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của UBND các cấp về vấn đề bố trí kinh phí tại Điều 15, 16.
 |
|  | Một số góp ý cụ thể đối với nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ:* Khoản 1 Điều 16: Bổ sung “…có trách nhiệm phối hợp với các sở giáo dục và đào tạo địa phương xây dựng kế hoạch…”
* Điều 16: Bổ sung Khoản 3 “Thông báo mức thu học phí đến UBND tỉnh, thành phố để làm cơ sở cho các cơ quan quản lý, sử dụng giáo viên chi trả”.
 | UBND TP Hồ Chí MinhSở GD&ĐT Đồng Tháp | Bộ GD&ĐT đã quy định cụ thể nội dung, quy trình, phân công đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn tại Khoản 2 Điều 8.Khoản 2 Điều 17 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ sở đào tạo giáo viên được giao nhiệm vụ, Bộ GD&ĐT đã quy định các cơ sở đào tạo giáo viên thông báo công khai tất cả các thông tin liên quan đến việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên, trong đó có thông tin về chi phí đào tạo/người để các địa phương lựa chọn và đặt hàng. |
| 17 | **Về các điều khoản thi hành** |  |  |
|  | Về quy định điều khoản chuyển tiếp, có một số góp ý cụ thể như sau:* Điều 17: Bổ sung thêm Khoản 3 “Đối với giáo viên đang tham gia đào tạo để nâng chuẩn từ trình độ trung cấp lên cao đẳng đối với giáo viên mầm non, tiểu học và từ trình độ cao đẳng lên đại học đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở mà chưa hoàn thành chương trình đào tạo thì thời gian tham gia đào tạo những học phần còn lại của khóa học được áp dụng các chính sách quy định tại Nghị định này”.
* Khoản 1 Điều 17: Bổ sung cụm từ “… nâng chuẩn trình độ đào tạo lên cao đẳng tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục…”.

Có ý kiến đề nghị Bộ GD&ĐT cân nhắc việc cần thiết phải quy định điều khoản chuyển tiếp và các nội dung quy định trong Điều này có phù hợp không. | Sở GD&ĐT Bình PhướcSở GD&ĐT Hà Nội | Sau khi xem xét và cân nhắc, Bộ GD&ĐT thấy những trường hợp giáo viên quy định trong quy định chuyển tiếp tại Dự thảo Nghị định đương nhiên thuộc đối tượng được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định này (theo quy định tại Điều 2). Do đó, Bộ GD&ĐT đã bỏ quy định chuyển tiếp. |
| 18 | **Về việc rà soát lỗi đánh máy, lỗi kỹ thuật, thể thức trình bày.** | Bộ Ngoại giaoBộ Tư phápThanh tra Chính phủSở GD&ĐT Lào CaiSở GD&ĐT Quảng Bình | Bộ GD&ĐT đã rà soát và điều chỉnh. |
| 19 | **Một số góp ý khác:*** Sớm ban hành Thông tư thay thế các Thông tư quy định về tiêu chuẩn CDNN đối với GV MN, TH, THCS để đảm bảo đồng bộ với quy định của Nghị định khi được ban hành.
* Đánh giá toàn diện hạn chế, bất cập tình trạng chất lượng đội ngũ CBQL và GV để có cơ sở đề xuất nội dung đào tạo phù hợp.
* Đề nghị bổ sung biện pháp giải quyết đối với những trường hợp không đạt trình độ đào tạo chuẩn sau khi kết thúc lộ trình nâng chuẩn năm 2030.
* Đối với giáo viên mầm non, sau khi đã có bằng đại học, cao đẳng cần được sắp xếp đúng vị trí việc làm và được chuyển xếp lương kịp thời.
* Đảm bảo sự tương quan với dự thảo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm (dự thảo Nghị định 2): (i) Bổ sung đối tượng “giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tham gia các khóa đào tạo để nâng trình độ chuẩn”; (ii) nghiên cứu về việc có tiếp tục hay không quy định đào tạo giáo viên sư phạm bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở dưới chuẩn tương ứng với từng bậc học trong dự thảo Nghị định 2; (iii) thống nhất quy định về quyền lợi của giáo viên đào tạo nâng chuẩn.
 | Bộ Nội vụBộ Tài chínhỦy ban Dân tộcSở GD&ĐT Bình Dương | Bộ GD&ĐT đã tiếp thu như sau:* Đang nghiên cứu, xây dựng các Thông tư thay thế (Dự kiến tháng 7 – 10 sẽ ban hành).
* Đã bổ sung trong báo cáo đánh giá tác động
* Đã có quy định về việc đền bù chi phí đào tạo tại Điều 11, đồng thời Bộ GD&ĐT hiện đang xây dựng Thông tư quy định về việc sử dụng giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo Khoản 2 Điều 72 Luật Giáo dục 2019.
* Không thuộc nội dung quy định tại Nghị định này, đồng thời phải căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm và xếp lương được quy định tại các văn bản hiện hành.
* Tiếp thu, sẽ phối hợp với đơn vị chủ trì xây dựng Nghị định 2 để đảm bảo thống nhất các quy định giữa 02 Nghị định, tránh chồng chéo.
 |

 **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

1. Gửi xin ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (CV số 272/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 03/02/2020), gửi dự thảo xin ý kiến các Sở GD&ĐT (CV số 114/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 07/02/2020), gửi dự thảo xin ý kiến các trường sư phạm (CV số 138/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 12/02/2020 [↑](#footnote-ref-1)